| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐĂK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-PT
Ngày 03-6- 2019
*V/v chia tài sản chung sau khi ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Chiến
*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Đồng Chung
Bà Phạm Thị Thông

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Vân Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Cần – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về "*Chia tài sản chung sau khi ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn T – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Trọng N là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đăk Nông – có mặt.

Tạm trú: Số 166 H, tổ dân phố 10, phường N, thị xã G, tỉnh Đăk Nông.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị D – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đoàn Văn C và bà Phạm Thị C – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- *Người làm chứng:* Anh Bùi Đức T – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Bùi Văn T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Văn T trình bày:***

Ông và bà Đỗ Thị D kết hôn với nhau vào năm 1992, do mâu thuẫn không thể sống chung nên vào ông và bà D ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 34/2015/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2015 nhưng không chia tài sản chung. Đến ngày 19/5/2017 ông và bà D lập biên bản tự phân chia tài sản chung của vợ chồng, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N. Nội dung biên bản:

1/ Bà Đỗ Thị D đồng ý giao cho ông Bùi Văn T được toàn quyền sử dụng hai thửa đất sau: Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 57, diện tích 200 $m^2$ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T, bà D, tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông và thửa đất số 102b (giáp thửa đất số 101), tờ bản đồ số 57 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bà Đỗ Thị D có nghĩa vụ giao cho ông Bùi Văn T số tiền 400.000.000 đồng. Thời hạn giao tiền vào ngày 19/6/2017.

2/ Ông Bùi Văn T đồng ý giao cho bà Đỗ Thị D được toàn quyền sử dụng thửa đất và tài sản trên đất như sau: Thửa đất số 271, tờ bản đồ số 55 diện tích 590$m^2$ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn T, tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

3/ Ông T và bà D đồng ý giao cho con trai là anh Bùi Đức T được toàn quyền sử dụng thửa đất số 101a, tờ bản đồ số 57, diện tích 290 $m^2$, đất tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận thì bà D chỉ giao cho ông T số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại thì bà D không trả mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Nhận thấy quyền lợi bị xâm phạm nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy mục 2 của Biên bản tự phân chia tài sản chung vợ chồng ngày 19/5/2017 và chia tài sản chung là thửa đất số 271, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, thửa đất số 101a, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Ngày 04/10/2018 ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 101a, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

***Bị đơn bà Đỗ Thị D trình bày:***

Bà và ông T có ly hôn và thỏa thuận chia tài sản chung như ông T trình bày. Tuy nhiên, bà đã giao cho ông T số tiền 300.000.000 đồng chứ không phải 200.000.000 đồng. Do bức xúc việc ông T không tham dự đám cưới con trai ông bà nên bà không đưa nốt số tiền còn lại 100.000.000 đồng. Trong những lần đưa tiền cho ông T, chỉ có lần đưa 200.000.000 đồng là bà lập giấy, còn những lần sau không lập giấy tờ gì. Bà không đồng ý với đơn khởi kiện của ông T, yêu cầu ông T tiếp tục thực hiện biên bản thỏa thuận lập ngày 19/5/2017 và đồng ý đưa số tiền 100.000.000 đồng còn thiếu cho ông T.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn C và bà Phạm Thị C trình bày:***

Gia đình ông bà có mượn một phần đất của ông T và bà D trước đây là thửa 271, tờ bản đồ số 55 để canh tác và đã trồng được 108 cây tiêu, 101 cây vông. Do ông T, bà D không sử dụng nên cho ông bà mượn để canh tác chứ không có thỏa thuận gì. Hiện nay ông T bà D đang tranh chấp phần đất trên, ông bà không có ý kiến gì. Trường hợp Tòa án giao phần đất trên cho ai mà người đó không đồng ý cho mượn nữa thì ông bà sẽ tự di dời cây trồng trả lại hiện trạng đất.

***Người làm chứng anh Bùi Đức T trình bày:***

Anh là con chung của ông T và bà D. Vào khoảng tháng 8 đến tháng 10 năm 2017, anh có giao tiền giúp mẹ của anh cho ông T 03 lần trong đó có 02 lần mỗi lần 30.000.000 đồng, 01 lần 20.000.000 đồng và giao 01 xe Future trị giá lúc đó 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh thừa nhận chiếc xe là tài sản riêng anh chứ không phải của mẹ anh. Các lần giao tiền, anh và ông T chỉ nói miệng với nhau chứ không lập giấy tờ gì. Anh Bùi Đức T thừa nhận anh không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản của bà D và ông T.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 28/02/2019, Tòa án nhân dân huyện Đăk Song quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T về việc hủy văn bản thỏa thuận chia tài sản lập ngày 19/5/2017 giữa ông Bùi Văn T và bà Đỗ Thị D và yêu cầu chia đôi thửa đất 271 tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Đình chỉ giải quyết đối với thửa đất 101a, tờ bản đồ số 57, diện tích 290 $m^2$, tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và đo đạc là 25.750.000 đồng. Ông T phải chịu toàn bộ số tiền trên được khấu trừ vào số tiền ông T đã nộp tại Tòa án.

Về án phí: Ông Bùi Văn T phải nộp 86.133.400 đồng án phí DSST, khấu trừ số tiền 1.875.000 đồng tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai số 0002038 ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Ông T còn phải nộp 84.258.400 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/3/2019, nguyên đơn ông Bùi Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy mục 2 biên bản tự phân chia tài sản chung của vợ chồng và chia đôi tài sản theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của mình và cho rằng bà D đã có hành vi giả tạo lừa dối, không thực hiện đúng cam kết theo thỏa thuận ngày 19/5/2017 nên thỏa thuận trên là vô hiệu. Vì vậy, đề nghị HĐXX hủy mục 2 biên bản tự phân chia tài sản chung của vợ chồng ngày

19/5/2017, chia đôi thửa đất số 271, tờ bản đồ số 55 và ông T có nghĩa vụ trả lại 200.000.000 đồng đã nhận và khấu trừ số tiền ông T đã bán thửa đất số 101, thửa đất số 102b.

Bị đơn bà Đỗ Thị D trình bày: Không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà phát biểu ý kiến với các nội dung:

Đơn kháng cáo của ông Bùi Văn T làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm phần án phí dân sự sơ thẩm theo hướng không buộc ông T phải chịu án phí có giá ngạch là 86.133.400 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn T. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông T làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đúng hạn.

[2] Xét biên bản tự phân chia tài sản chung của vợ chồng lập ngày 19/5/2017 giữa ông Bùi Văn T và bà Đỗ Thị D là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận được UBND xã N, huyện Đ xác nhận là đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Sau khi thỏa thuận, bà D đã làm thủ tục và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ sang tên quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị D đối với thửa đất số 271, tờ bản đồ số 55, diện tích 590 $m^2$. Các thửa đất ông T được chia thì ông cũng đã chuyển nhượng cho người khác. Bên cạnh đó, đối với việc bà D phải giao cho ông số tiền chênh lệch 400.000.000 đồng vào ngày 19/6/2017 theo thỏa thuận thì ngày 20/6/2017 bà D đã giao cho ông 200.000.000 đồng. Đối với số tiền bà D còn phải trả cho ông, ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên để bảo vệ quyền lợi của mình ông có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật bằng một vụ án khác. Đối với thửa đất số 101a, tờ bản đồ số 57, ông T và bà D đã thỏa thuận giao cho con trai anh Bùi Đức T, vào ngày 04/10/2018 ông T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 101a nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đình chỉ giải quyết yêu cầu này là phù hợp. Do đó, việc ông kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy mục 2 của Biên bản tự phân chia tài

sản chung của vợ chồng ngày 19/5/2017 và chia đôi thửa đất số 271, tờ bản đồ số 55, diện tích 590 $m^2$ là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, quá trình giải quyết Tòa án sơ thẩm áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc ông T phải chịu án phí DSST có giá ngạch là chưa chính xác, bởi lẽ: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 không quy định trường hợp yêu cầu hủy bỏ thỏa thuận và chia lại tài sản chung của vợ chồng không được Tòa án chấp nhận, đáng lẽ phải áp dụng khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết theo mức án phí dân sự không có giá ngạch nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên buộc ông Bùi Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 86.133.400 đồng là không đúng quy định.

Xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông là phù hợp, cần chấp nhận.

Từ phân tích và nhận định trên, HĐXX xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Bùi Văn T. Sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và án phí DSST cho đúng quy định.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Bùi Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

## QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Bùi Văn T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST, ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông về phần áp dụng pháp luật và án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 217; Điều 264; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 213, 218, 219, 220 Bộ luật dân sự;

Áp dụng các Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T về việc hủy văn bản thỏa thuận chia tài sản lập ngày 19/5/2017 giữa ông Bùi Văn T về việc hủy văn bản thỏa thuận chia tài sản lập ngày 19/5/2017 giữa ông Bùi Văn T và bà Đỗ Thị D và yêu cầu chia đôi thửa đất số 271, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Đình chỉ giải quyết đối với thửa đất số 101a, tờ bản đồ số 57, diện tích 290 $m^2$, tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và đo đạc là 25.750.000 đ *(Hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*. Ông Bùi Văn T phải chịu toàn bộ số tiền trên được khấu trừ vào số tiền ông T đã nộp tại Tòa án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST, khấu trừ số tiền 1.875.000đ *(Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai số 0002038 ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Hoàn trả cho ông T 1.575.000 đồng *(Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông T đã nộp theo biên lai số 0004791 ngày 18/3/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đăk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Xuân Chiến**